

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện
2. Bà Huỳnh Ngọc Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 173/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1992; thường trú tại: Ấp L, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Số nhà B13/22, khu phố T, phường G, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1992; thường trú tại: Ấp T, xã M, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; tạm trú: Số nhà D18/28, KDC G, phường G, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – ông Nguyễn Hồng T trình bày:*

Ông T và bà Nguyễn Thị Ngọc B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại xã M, huyện P, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 12, cấp ngày 20/01/2012

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Hồng M, sinh ngày 07/3/2012

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian nhưng đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên ông T khởi kiện yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc B

Về con chung: Ông T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Hồng Minh, sinh ngày 07/3/2012 cho bà Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt

Biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2020 cháu Nguyễn Hồng M khai từ khi vợ chồng ông T và bà B sống riêng nhau thì cháu M sống cùng với mẹ và hiện nay có nguyện vọng tiếp tục ở cùng với mẹ.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc B và vợ chồng có con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc B có nơi cư trú tại phường G, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hồng T và bà Nguyễn Thị Ngọc B được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12/2012 ngày 20/01/2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Ông Nguyễn Hồng T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc B với lý do: Năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã sống riêng nhau từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình tố tụng ông T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình

cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Qua làm việc với cháu M là con chung của vợ chồng cũng xác định vợ chồng ông T và bà B sống riêng nhau khoảng 4 năm nay, xét thấy: Quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng ông T và bà B vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đã sống riêng nhau từ tháng 2016 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống nên việc ông T xin ly hôn với bà B là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Ông T yêu cầu giao con chung là cháu Nguyễn Hồng M cho bà Nguyễn Thị Ngọc B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống riêng, con chung sống với bà B. Bà B nuôi con tốt, có trách nhiệm với con cái nên con phát triển bình thường, khỏe mạnh, học hành đầy đủ. Do vậy, tiếp tục giao con cho bà B trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con nên chấp nhận yêu cầu này của ông T. Bà B không có mặt để yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà B có quyền khởi kiện ông T để yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hồng T được ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc B

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hồng M, sinh ngày 07/3/2012 cho bà Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0046230 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Huỳnh Minh Trí